TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P L** **TỈNH B L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 30/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P L– TỈNH B L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đẹp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Trường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh B L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh B L *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P Lxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Du lịch B L.**
Địa chỉ: 02- 04- 06 Hoàng Văn thụ, phường 3, thành phố B L, tỉnh B L.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Hồng Linh T**- Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh G**, sinh năm 1995. Chức vụ: Nhân viên kinh doanh.
2. Bị đơn: Ông **Võ Quốc T,** sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Vĩnh Đông, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh B L. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/01/2020 Công ty cổ phần du lịch B L ký hợp đồng cho ông Võ Quốc T vận chuyển hành khách, thời hạn cho thuê 12 tháng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2021 là kết thuc hợp đồng. Công ty cho ông Võ Quốc T thuê xe mang biển số 94A- 031.11, nhãn hiệu KIA Morning TA12GE2MT-1, số may G4LAHP129914, số khung RNYTB5M%JC123 sản xuất năm 2018 Việt Nam, giá cho thuê 350.000đ/1 ngày, thời gian hoạt động: Từ 07 giờ đến 21 giờ mỗi

ngày, sau 21 giờ nếu lái xe không đi công tác ngoài tỉnh thì phải đậu xe tại nơi quy định. Sau đó ông Võ Quốc T tự xin nghỉ thuê xe và không thanh toán tiến xe. Qua nhiều lần liên lạc để thu hồi nợ đến nay ông Võ Quốc T vẫn chưa trả nợ cho công ty, nay công ty khởi kiện yêu cầu ông Võ Quốc T trả tiền cho công ty là 43.995.000đ, công ty không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Võ Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, hoà giải nhưng ông T không đến Tòa án, do đó không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P Lphát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên gửi quyết định hoãn phiên tòa cho Viện kiểm sát chưa đúng thời gian quy định.

- Về nội dung vụ án: Phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thuê xe, không trả tiền thuê xe cho nguyên đơn theo hợp đồng thuê xe đã ký kết giữa hai hên. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ Quốc T phải trả cho Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 39.745.000đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Du lịch B L đối với số tiền 4.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của Công Ty cổ phần du lịch B L đối với số tiền 250.000

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần Du lịch B L, khởi kiện ông Võ Quốc T trả tiền thuê xe 43.995.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng thuê xe). Đồng thời, đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Đông, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh B L nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh B L.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Quốc T vắng mặt không có lý do. Mặt dù, được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đại diện Công ty cổ phần du lịch B L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Du lịch B L yêu cầu ông Võ Quốc T trả số tiền thuê xe 43.995.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần Du lịch B L xác định do tính toán nhầm lẫn nên số tiền yêu cầu cao hơn số tiền ông T nợ là 250.000 đồng. Đối với số tiền nêu trên, Công ty Cổ phần Du lịch B L không yêu cầu ông T hoàn trả nên được xem là Công ty Cổ phần Du lịch B L rút một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần Du lịch B L đối với số tiền 250.000 đồng.

Công ty Cổ phần Du lịch B L yêu cầu ông Võ Quốc T trả số tiền thuê xe là 43.745.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Công ty Cổ phần Du lịch B L cung cấp cho Tòa án Hợp đồng cho thuê xe vận chuyển hành khách được ký kết giữa Công ty với ông T vào ngày 01/01/2020, thời hạn thuê xe bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, giá cho thuê 350.000 đồng/ngày.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Du lịch B L cung cấp biên bản đối chiếu công nợ được lập vào ngày 30/6/2020, thể hiện nội dung tính đến hết ngày 30/6/2020, ông T còn nợ Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 43.995.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Quốc T được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án cung cấp lời khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Du lịch B L.

Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho căn cứ để xác định giữa hai bên có ký kết hợp đồng thuê xe vận chuyển hành khách vào ngày 01/01/2020. Quá trình thuê xe ông T không thanh toán đầy đủ tiền thuê xe cho Công ty Cổ phần Du lịch B L. Công ty yêu cầu ông T ký biên bản đối chiếu công nợ thể hiện ông T còn nợ Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 43.745.000 đồng. Từ đó, Công ty Cổ phần Du lịch B L yêu cầu ông T trả nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Khi ký kết hợp đồng thuê xe và nhận xe, ông T có ký quỹ cho Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 6.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Du lịch B L xác định hiện tại tiền ký quỹ của ông T còn lại 4.000.000 đồng. Căn cứ vào hợp đồng thuê xe, tiền ký quỹ là số tiền dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong hợp đồng thể hiện nếu ông T không nộp đầy đủ tiền thuê xe thì tiền nộp thiếu sẽ trừ vào tiền ký quỹ. Ngoài ra nếu ông T bị Công ty Cổ phần Du lịch B L phạt tiền do vi phạm hoặc ông T gây thiệt hại về tài chính, về tài sản của Công ty mà không kịp thời sửa chữa thì Công ty sẽ khấu trừ vào tiền ký quỹ của ông T.

Tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định: *"Trường hợp nghĩa vụ được bảo đảm bị vi phạm thì tiền ký*

quỹ được dùng để thanh toán nghĩa vụ, bồi thường thiệt hại sau khi trừ đi phí dịch vụ (sau đây gọi là thanh toán nghĩa vụ)".

Tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định: *"Việc xử lý tài sản bảo đảm phải được thực hiện đúng với thỏa thuận của các bên, quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan. ..."*.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê xe nên số tiền ký quỹ 4.000.000 đồng sẽ được khấu trừ vào tiền nợ còn lại là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi khấu trừ, ông T còn nợ lại Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 39.745.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Du lịch B L. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 39.745.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Du lịch B L đối với số tiền 4.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của Công Ty cổ phần du lịch B L đối với số tiền 250.000

[3] Về án phí: Buộc ông Võ Quốc T phải nộp 1.987.250đồng. Buộc Công ty Cổ phần Du lịch B L phải nộp 300.000đồng, Công ty Cổ phần Du lịch B L đã tạm ứng 1.100.000đồng theo biên lai thu số 0005597 ngày 19/12/2022 được chuyển sang thu án phí 300.000đồng, Công ty Cổ phần Du lịch B L còn được nhận lại 800.000đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 385, 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần du lịch B L đối với số tiền 250.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Du lịch B L. Buộc ông Võ Quốc T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Du lịch B L số tiền 39.745.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Du lịch B L đối với số tiền 4.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Võ Quốc T phải nộp 1.987.250đồng. Buộc Công ty Cổ phần Du lịch B L phải nộp 300.000đồng, Công ty Cổ phần Du lịch B L đã tạm ứng 1.100.000đồng theo biên lai thu số 0005597 ngày 19/12/2022 được chuyển sang thu án phí 300.000đồng, Công ty Cổ phần Du lịch B L còn được nhận lại 800.000đồng án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh B L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đẹp